BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1893/QĐ-ĐHTN	*Thái Nguyên, ngày 25 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng đối với các khóa tuyển sinh kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành. Quyết định này thay thế Quyết định số 1796/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban chức năng, Thủ trưởng đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

GS.TS. Phạm Hồng Quang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1893/QĐ-ĐHTN ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này nhằm cụ thể hóa các nội dung của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Văn bản này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và quản lý đào tạo; tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với ĐHTN, các trường đại học thành viên được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây gọi chung là đơn vị đào tạo), các tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Quy định này không áp dụng đối với việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa ĐHTN với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng và các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa ĐHTN với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do hai bên cùng cấp bằng.

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do đơn vị đào tạo xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh (NCS) có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học.

b) Chuẩn đầu ra bao gồm chuẩn về kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo tiến sĩ: Người dự tuyển phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

3. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo bảm bảo các yêu cầu sau:

a) Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

b) Tối đa 16 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ.

c) Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

4. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ: Căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, Thủ trưởng đơn vị đào tạo xác định số học phần và khối lượng tín chỉ NCS cần phải học bổ sung.

b) Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: Các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng.

5. Tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ và các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu. Mỗi NCS phải hoàn thành khối lượng kiến thức là 16 tín chỉ, cụ thể như sau:

a) Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ:

- Tiểu luận tổng quan yêu cầu NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề

tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Tiểu luận tổng quan có khối lượng kiến thức tương đương 02 tín chỉ;

- Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu NCS nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Mỗi NCS phải hoàn thành 03 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng kiến thức tương đương 06 tín chỉ.

b) Các học phần ở trình độ tiến sĩ (gồm học phần bắt buộc và học phần tự chọn):

- Mỗi NCS phải hoàn thành 04 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng kiến thức gồm 08 tín chỉ, mỗi học phần có khối lượng kiến thức là 02 tín chỉ, trong đó các học phần tự chọn chiếm 50% số tín chỉ;

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp NCS cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao hiểu biết về lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và ứng dụng kết quả các nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.

6. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của NCS, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết vấn đề đặt ra của đề tài luận án. Luận án có khối lượng kiến thức từ 70-80 tín chỉ trong chương trình đào tạo.

7. Đơn vị đào tạo được sử dụng chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục nước ngoài đã được kiểm định và công nhận về chất lượng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ.

8. Nếu có NCS đăng ký học, viết luận án và bảo vệ luận án bằng tiếng nước ngoài thì đơn vị đào tạo phải xây dựng chương trình đào tạo học bằng tiếng nước ngoài, đồng thời phải đáp ứng các điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhiệm việc đào tạo chương trình tiến sĩ bằng tiếng nước ngoài.

Chương II
TUYỂN SINH

Điều 4. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Việc tuyển sinh được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm do Giám đốc ĐHTN quyết định khi đơn vị đào tạo đáp ứng đủ điều kiện bảo đảm chất lượng triển khai đào tạo ở trình độ tiến sĩ theo quy định hiện hành.

2. Phương thức tuyển sinh bao gồm thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển do ĐHTN quyết định bảo đảm đánh giá minh bạch, công

bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển. Giám đốc ĐHTN quyết định việc tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyến khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

3. Thủ trưởng đơn vị đào tạo căn cứ vào Quy định này và các quy định liên quan khác chịu trách nhiệm xây dựng Đề án tuyển sinh (theo mẫu tại Phụ lục I), đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác.

Điều 5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ. Danh mục ngành đào tạo phù hợp được đăng ký xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ do Thủ trưởng đơn vị đào tạo xác định và được công khai trong đề án tuyển sinh. Văn bằng đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục đại học nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục IV của Quy định này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do đơn vị đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Người dự tuyển là công dân nước ngoài đăng ký học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Anh thì phải đáp ứng các chuẩn tối thiểu trình độ tiếng Anh như quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này.

4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể yêu cầu về kinh nghiệm quản lý, thâm niên công tác và những yêu cầu khác đối với người dự tuyển theo từng ngành dự tuyển.

Điều 6. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu tại Phụ lục II).

b) Sơ yếu lý lịch trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng kí dự tuyển, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi người dự tuyển cư trú. Sơ yếu lý lịch phải dán ảnh của người đăng ký dự tuyển và đóng dấu giáp lai của cơ quan, đơn vị hoặc chính quyền địa phương nơi người dự tuyển cư trú.

c) Bản sao (có công chứng) bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học hoặc phụ lục văn bằng; bằng tốt nghiệp và bảng điểm thạc sĩ hoặc phụ lục văn bằng.

d) Bản sao chụp bìa, mục lục và toàn văn các bài báo, báo cáo khoa học đã công bố. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác (nếu có).

đ) Đề cương nghiên cứu (theo mẫu quy định của đơn vị đào tạo).

e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- Phẩm chất đạo đức và đạo đức nghề nghiệp;
- Năng lực hoạt động chuyên môn;
- Phương pháp làm việc;
- Khả năng nghiên cứu;
- Khả năng làm việc theo nhóm;
- Điểm mạnh và điểm hạn chế của người dự tuyển;
- Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu người dự tuyển làm NCS.

g) Công văn cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

h) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của đơn vị đào tạo:

- Giấy khám sức khỏe của bệnh viện;
- Bản sao có công chứng văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài, chứng chỉ ngoại ngữ;
- Người có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cần có minh chứng về học toàn thời gian ở nước ngoài, gồm một trong các tài liệu liên quan sau: (i) xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước sở tại đã theo học; (ii) xác nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài nơi đã học tập; (iii) bản sao hợp lệ hộ chiếu có đóng dấu ngày xuất, nhập cảnh; (iv) minh chứng đã đăng kí vào hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- 03 (ba) ảnh chân dung mới chụp cỡ 04cm x 06cm và 02 (hai) phong bì có dán tem và ghi địa chỉ của người nhận (để gửi thông báo trúng tuyển và nhập học, lưu hồ sơ).

2. Số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển: 02 (hai) bộ hồ sơ, trong đó 01 (một) bộ báo cáo ĐHTN, 01 (một) bộ lưu tại đơn vị đào tạo.

Điều 7. Tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh

1. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và đơn vị đào tạo ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức tuyển sinh, trong đó bao gồm những thông tin về đối tượng và điều kiện dự tuyển; ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp; danh mục ngành đào tạo phù hợp được đăng ký xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; danh sách người hướng dẫn NCS đáp ứng quy định tại Điều 12 của Quy định này; chỉ tiêu tuyển sinh; hồ sơ dự tuyển, kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học; học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho NCS trong quá trình học tập (nếu có) và những thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, ĐHTN và của đơn vị đào tạo.

2. Hội đồng tuyển sinh

a) Giám đốc ĐHTN ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các uỷ viên.

- Chủ tịch: Giám đốc ĐHTN hoặc Phó Giám đốc ĐHTN được Giám đốc ĐHTN uỷ quyền;

- Ủy viên thường trực: Trưởng ban Ban Đào tạo hoặc Phó trưởng ban Ban Đào tạo;

- Các uỷ viên: Thủ trưởng đơn vị đào tạo được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ và một số lãnh đạo ban chức năng của ĐHTN.

Những người có vợ, chồng, con, bố, mẹ, anh chị em ruột của mình hoặc của vợ hoặc chồng dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: Thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận thí sinh trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; gửi báo cáo kết quả công tác tuyển sinh về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

a) Giám đốc ĐHTN ra quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các uỷ viên.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

- Nhận và xử lý hồ sơ của người dự tuyển;

- Hướng dẫn các đơn vị đào tạo lập danh sách người dự tuyển đủ điều kiện dự tuyển;

- Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;

- Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho người dự tuyển.

c) Trách nhiệm của Trưởng ban Ban Thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công việc của Ban Thư ký.

4. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS

a) Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành đăng ký dự tuyển của người dự tuyển, Hội đồng tuyển sinh thông báo đến các đơn vị đào tạo đề xuất các tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS, trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

b) Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS có ít nhất 03 người có trình độ tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển, là cán bộ khoa học, giảng viên trong hoặc ngoài ĐHTN do Hội đồng Khoa học và Đào tạo chuyên ngành mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn NCS. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban, Thư ký và các ủy viên.

c) Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi về dự định nghiên cứu của người dự tuyển, xếp loại người dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển. Tiểu ban chuyên môn đánh giá cần có tối thiểu 2/3 thành viên tiểu ban tham dự, trong đó không được vắng mặt Trưởng tiểu ban và Thư ký.

5. Quy trình xét tuyển NCS

a) Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh chuẩn bị và cung cấp hồ sơ, biểu mẫu đánh giá người dự tuyển cho tiểu ban chuyên môn.

b) Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS đánh giá phân loại người dự tuyển thông qua các nội dung sau:

- Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ;

- Thành tích nghiên cứu khoa học đã có (bài báo, báo cáo khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp);

- Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn;

- Chất lượng đề cương nghiên cứu;
- Ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ người dự tuyển trong thư giới thiệu;
- Năng lực và khả năng ngoại ngữ;
- Các phẩm chất và năng lực khác của người dự tuyển.

c) Người dự tuyển trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS. Vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá năng lực nghiên cứu của người dự tuyển.

d) Căn cứ các yêu cầu đánh giá, tiểu ban chuyên môn cho điểm đánh giá. Mỗi thành viên của tiểu ban chuyên môn có 01 phiếu chấm điểm theo thang điểm 100,0 làm tròn đến 0,5 điểm (theo mẫu do Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh chuẩn bị). Điểm đánh giá chuyên môn của người dự tuyển là trung bình cộng điểm đánh giá của các thành viên tiểu ban chuyên môn có mặt và lấy đến một chữ số thập phân. Điểm xét tuyển của người dự tuyển phải đạt từ 55,0 điểm trở lên. Việc xét trúng tuyển theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu của từng chuyên ngành.

đ) Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra kết quả đánh giá NCS và chuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quyết định danh sách người dự tuyển trúng tuyển cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại người dự tuyển, trình Giám đốc ĐHTN quyết định công nhận người dự tuyển trúng tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ.

6. Triệu tập người dự tuyển trúng tuyển

a) Căn cứ danh sách người dự tuyển đã được Giám đốc ĐHTN quyết định công nhận trúng tuyển, ĐHTN gửi giấy triệu tập nhập học đến người dự tuyển trúng tuyển.

b) Sau thời gian tối đa 20 ngày kể từ khi NCS nhập học, Thủ trưởng đơn vị đào tạo ban hành quyết định công nhận NCS. Quyết định công nhận NCS phải có đầy đủ thông tin bao gồm: tên NCS, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý NCS, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của NCS.

c) Đơn vị đào tạo có văn bản giao NCS về hoạt động chuyên môn tại khoa hoặc bộ môn quản lý chuyên môn. Chậm nhất 06 tháng sau khi có quyết định công nhận NCS và người hướng dẫn, đơn vị đào tạo phải tổ chức đánh giá đề

cương chi tiết đề tài luận án của NCS và ra quyết định giao đề tài luận án; báo cáo ĐHTN.

Chương III
TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 8. Tổ chức hoạt động đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy ở trụ sở chính hoặc tại phân hiệu đã được phép hoạt động đào tạo của ĐHTN, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài đơn vị đào tạo theo quy định của ĐHTN. NCS phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại đơn vị đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

2. Thời gian đào tạo

a) Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng) do đơn vị đào tạo quyết định, bảo đảm phần lớn NCS hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian này; mỗi NCS có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận NCS (theo mẫu tại Phụ lục III). Thời gian đào tạo tính từ khi có quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn của Thủ trưởng đơn vị đào tạo.

b) NCS được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận NCS có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho đơn vị đào tạo, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án của đơn vị đào tạo.

3. Các đơn vị đào tạo được thỏa thuận để tổ chức giảng dạy những học phần học chung và công nhận kết quả học tập lẫn nhau. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại đơn vị đào tạo. Trong trường hợp đơn vị đào tạo không đào tạo chương trình có học phần cần bổ sung cho NCS thì gửi NCS theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo với các cơ sở đào tạo khác.

4. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại khoản 2 Điều này. Trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, NCS phải thường xuyên tham dự và báo cáo seminar ở bộ môn/khoa quản lý chuyên môn. NCS phải thực hiện tối thiểu 04 báo cáo seminar ở bộ môn/khoa quản lý chuyên môn. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định chi tiết về số lần, nội dung và hình thức seminar ở bộ môn/khoa quản lý chuyên môn.

5. Đơn vị đào tạo được tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

6. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy định đào tạo trình độ đại học.

7. Đơn vị đào tạo quy định chi tiết các hoạt động học tập, nghiên cứu của NCS; thời gian, địa điểm, phương thức tổ chức đào tạo; cách đánh giá học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của NCS, tính điểm học phần, điều kiện để NCS được tiếp tục đào tạo khi kết thúc các học phần và tiểu luận tổng quan và những quy định liên quan khác trong tổ chức hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHTN và đơn vị đào tạo.

Điều 9. Thay đổi trong quá trình đào tạo

1. NCS và người hướng dẫn được đề xuất với đơn vị đào tạo về việc thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách và chuyển cơ sở đào tạo. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 8 của Quy định này.

Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi NCS đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này trong thời gian quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều này và được người hướng dẫn đồng ý. Việc thay đổi đề tài luận án (mang ý nghĩa thay đổi hướng nghiên cứu) chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng và chỉ thực hiện chậm nhất trong 24 tháng kể từ khi quyết định công nhận NCS có hiệu lực. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc điều chỉnh tên đề tài luận án theo đề nghị của Hội đồng đánh giá

luận án ở đơn vị chuyên môn nhưng phải đảm bảo không làm thay đổi hướng nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu của đề tài luận án.

Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận NCS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHTN quyết định.

2. Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của NCS còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận NCS và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Trường hợp NCS từ cơ sở đào tạo khác chuyển đến ĐHTN thì sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo NCS, Thủ trưởng đơn vị đào tạo tiếp nhận và báo cáo ĐHTN ra quyết định tiếp nhận NCS. Thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận NCS của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích luỹ và các học phần mà NCS cần bổ sung (nếu có) do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định.

3. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập

a) NCS được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp Trường thông qua trong thời gian quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

b) Trong trường hợp NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, NCS phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, NCS phải theo học tập trung liên tục tại đơn vị đào tạo và NCS phải đóng phí theo quy định của đơn vị đào tạo. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định gia hạn thời gian học tập và nghiên cứu cho NCS, tối đa không quá 12 tháng/01 lần gia hạn.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn thông qua thì Thủ trưởng đơn vị đào tạo có văn bản báo cáo ĐHTN ra quyết định cho NCS thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

c) Thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét, quyết định cho phép NCS được rút ngắn thời gian học tập nếu hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT và Quy định này. Thủ tục hồ sơ bảo vệ luận án trước thời hạn bao gồm: Đơn đề nghị bảo vệ luận án trước thời hạn của

NCS, ý kiến đề nghị của người hướng dẫn; biên bản xét đề nghị của khoa hoặc bộ môn quản lý chuyên môn. Việc bảo vệ luận án trước thời hạn không sớm hơn 2/3 thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ của NCS được ghi trong quyết định.

4. NCS bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của NCS hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận.

c) Vi phạm quy định của đơn vị đào tạo ở mức độ buộc thôi học.

Điều 10. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của NCS đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) NCS bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

b) NCS chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo.

c) NCS đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là NCS mới của đơn vị đào tạo đã theo học.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích luỹ của NCS phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là NCS mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

3. Đơn vị đào tạo quy định chi tiết về thời hạn bảo lưu, thành phần hội đồng chuyên môn, quy trình thực hiện việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của NCS.

Chương IV
TIÊU CHUẨN, QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 11. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy chương trình tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo.

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ.

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 1,0 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).

c) Đối với giảng viên giảng dạy những chương trình thuộc lĩnh vực nghệ thuật có thể thay thế yêu cầu tại điểm b khoản này bằng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân do Nhà nước trao tặng.

Điều 12. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập NCS phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn NCS, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người

đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 1,0 trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3. Mỗi NCS có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là giảng viên cơ hữu của đơn vị đào tạo hoặc giảng viên cơ hữu của ĐHTN hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với đơn vị đào tạo theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ toàn thời gian tại đơn vị đào tạo với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của NCS.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của đơn vị đào tạo và theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 NCS; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 NCS; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 NCS. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 NCS được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 NCS.

3. Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn NCS mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ, người được đề nghị hướng dẫn có 02 NCS có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp

Trường thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 23 của Quy định này (nếu có).

4. Người hướng dẫn NCS có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của NCS; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc NCS thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua.

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của NCS.

c) Đề xuất để NCS được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường của đơn vị đào tạo.

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của đơn vị đào tạo.

5. Hồ sơ và thủ tục người nước ngoài tham gia hướng dẫn NCS thực hiện theo quy định của đơn vị đào tạo.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo

NCS có quyền và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận NCS, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho đơn vị chuyên môn; đề xuất với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn.

4. Tuân thủ quy định của đơn vị đào tạo về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).

5. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án.

6. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của đơn vị đào tạo.

Điều 15. Quyền và trách nhiệm của đơn vị chuyên môn

Đơn vị chuyên môn (khoa/bộ môn quản lý chuyên môn) có quyền và trách nhiệm sau:

1. Đề xuất người hướng dẫn NCS có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án.

2. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hằng năm của NCS; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS.

3. Tổ chức sinh hoạt khoa học, seminar định kỳ để NCS báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công cho NCS trợ giảng và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập; triển khai đánh giá luận án của NCS tại đơn vị chuyên môn theo sự phân công của Thủ trưởng đơn vị đào tạo; thông qua đề nghị cho NCS được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường của đơn vị đào tạo.

4. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định, bao gồm:

a) Đề xuất các tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS theo chuyên ngành đào tạo thuộc khoa/bộ môn quản lý.

b) Xem xét và thông qua trước khi trình Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định các học phần phải học trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần trình độ tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; bài tiểu luận tổng quan; kế hoạch đào tạo đối với từng NCS; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của NCS.

c) Quy định lịch làm việc của NCS với người hướng dẫn; lịch NCS báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học. Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của NCS và đề nghị Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng NCS.

d) Đề nghị Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của NCS.

đ) Quản lý NCS trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Định kỳ 06 tháng một lần báo cáo Thủ trưởng đơn vị đào tạo về tình hình học tập, nghiên cứu của NCS; đồng thời thông qua Thủ trưởng đơn vị đào tạo gửi báo cáo này đến cơ quan/đơn vị công tác của NCS.

e) Các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của đơn vị đào tạo.

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của Đại học Thái Nguyên và đơn vị đào tạo

1. Quyền và trách nhiệm của ĐHTN

a) Xây dựng, ban hành quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHTN.

b) Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của ĐHTN.

c) Tổ chức thực hiện tuyển sinh theo quy định hiện hành; kiểm tra, giám sát quá trình quản lý và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ tại các đơn vị đào tạo.

d) Phối hợp với các đơn vị đào tạo tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế.

đ) Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

e) Tổ chức việc thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án được thực hiện đối với các trường hợp không trùng với Bộ Giáo dục và Đào tạo đã lựa chọn thẩm định.

g) Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra hằng năm việc thực hiện các quy định của đơn vị đào tạo về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ.

h) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định hiện hành.

2. Quyền và trách nhiệm của đơn vị đào tạo

a) Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy định chi tiết của đơn vị đào tạo về đề án tuyển sinh, điều kiện xét tuyển, danh mục lĩnh vực nghiên cứu và danh sách cán bộ khoa học cơ hữu đủ điều kiện tham gia hướng dẫn NCS, đề xuất hội đồng chuyên môn xét tuyển NCS; ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết liên quan đến tổ chức và quản lý đào tạo tạo tiến sĩ thuộc đơn vị đào tạo.

b) Công bố công khai thông tin liên quan đến đề án tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo.

c) Phối hợp với ĐHTN tổ chức tuyển sinh đào tạo tiến sĩ.

d) Tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của NCS, xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ theo các quy định hiện hành:

- Quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn, xác định thời gian đào tạo; quyết định thành lập hội đồng đánh giá đề cương chi tiết đề tài luận án của NCS (trong đó có quy định cụ thể tiêu chuẩn của người tham gia hội đồng); quyết định giao đề tài luận án cho NCS; quyết định những thay đổi trong quá trình đào tạo NCS; quyết định thành lập hội đồng tư vấn tổng thể luận án (seminar tổng thể luận án) trước khi NCS hoàn thành luận án để xin bảo vệ luận án ở đơn vị chuyên môn; quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, thành lập hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ;

- Quyết định phân công NCS về hoạt động tại khoa/bộ môn quản lý chuyên môn; quyết định thành lập hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan. Quy định tiêu chuẩn người hướng dẫn chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan; số lượng và thành phần hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan.

đ) Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học; hướng dẫn NCS xuất bản bài báo khoa học trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ của ĐHTN và các tạp chí khoa học chuyên ngành khác.

e) Thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

g) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

h) Tăng cường liêm chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ được đánh giá tại đơn vị đào tạo.

i) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho NCS trước khi bắt đầu khóa học quy định của đơn vị đào tạo và những quy định liên quan khác đến quá trình học tập, nghiên cứu; quy định về quyền và trách nhiệm của NCS.

k) Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy định của đơn vị đào tạo và các nhiệm vụ khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng ở trình độ tiến sĩ; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHTN.

l) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định hiện hành.

Chương V
LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 17. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của NCS, thể hiện NCS có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể.

2. Luận án tiến sĩ đáp ứng quy định tại khoản 5, Điều 3 Quy định này và quy định về khối lượng, hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo, cụ thể như sau:

a) Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài sử dụng kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14, mã Unicode; mật độ chữ bình thường. Paragraph: dãn dòng (lines spacing) đặt ở chế độ 1.5 lines hoặc multiple 1.3-1.5 pt (tùy theo cỡ chữ); before 0.3-0.6 pt, after 0 pt; lề trên 3.0 cm; lề dưới 2.0-2.5 cm; lề trái 3.0-3.5 cm; lề phải 2.0 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên mỗi trang.

Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm:

- Mở đầu: Giới thiệu tóm tắt về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;

- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

- Cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;

- Kết luận và kiến nghị: Trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của đơn vị đào tạo;

- Phụ lục (nếu có).

Tùy thuộc vào đặc thù của ngành đào tạo, Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể cấu trúc của luận án, hình thức và cách thức trình bày luận án.

b) Tóm tắt luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 24 trang A5, được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, có nội dung phù hợp với luận án; không tẩy xoá. Tóm tắt luận án gồm có bản tiếng Việt và bản tiếng Anh.

3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có). Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể cách trích dẫn tài liệu tham khảo khi đưa vào trong nội dung luận án. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật, việc kiểm soát và xử lý đạo văn luận án tiến sĩ, việc sử dụng các phần mềm kiểm tra đạo văn và tỷ lệ đạo văn dựa trên kết quả kiểm tra của phần mềm.

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà NCS là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép NCS được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu.

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 18. Đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn

1. Việc đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn được tổ chức khi NCS đáp ứng đủ những yêu cầu sau:

a) Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn.

c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 1,0 trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

d) Yêu cầu tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc

01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

đ) Được tập thể hoặc người hướng dẫn NCS đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn.

e) Luận án được viết và bảo vệ bằng tiếng nước ngoài khi đơn vị đào tạo đáp ứng điều kiện tại khoản 8 Điều 3 của Quy định này và có khả năng thành lập Hội đồng đánh giá luận án bằng tiếng nước ngoài.

2. Hồ sơ đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn gồm:

a) Phiếu đăng ký bảo vệ luận án tiến sĩ của NCS có ý kiến đồng ý của tập thể hướng dẫn.

b) Biên bản họp xét thông qua luận án ở bộ môn/khoa chuyên môn.

c) Luận án, tóm tắt luận án; bản sao chụp các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án.

d) Văn bản đồng ý của đồng tác giả các công trình khoa học (nếu có).

đ) Lý lịch khoa học của NCS (Được xác nhận trong thời hạn không quá 03 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký đánh giá).

e) Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, quyết định công nhận NCS và người hướng dẫn, quyết định giao đề tài luận án cho NCS, quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có).

g) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần trình độ tiến sĩ.

h) Bảng điểm chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan.

i) Quyết định và biên bản tiểu ban đánh giá các chuyên đề tiến sĩ, quyết định và biên bản tiểu ban đánh giá bài tiểu luận tổng quan, biên bản và toàn văn nội dung của ít nhất 04 lần seminar của NCS ở đơn vị chuyên môn.

3. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn (Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở trước đây); chỉ đạo tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ ở đơn vị chuyên môn. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; các thành viên của đơn vị chuyên môn, NCS, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham dự buổi bảo vệ luận án (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định chi tiết hồ sơ, thủ tục đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn; quy trình và phương thức đánh giá, số lượng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của những nhà khoa học được mời nhận xét luận án; đáp ứng các quy định sau:

a) Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn gồm 07 thành viên, có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ với chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS; trong đó số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 02 người; số thành viên là cán bộ khoa học ngoài đơn vị đào tạo ít nhất là 02 người. Đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 02 năm (24 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ. Đại diện tập thể hướng dẫn NCS có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 02 phản biện và các ủy viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ thực hiện một nhiệm vụ trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

b) Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn trước thời gian tổ chức họp Hội đồng ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải gửi nhận xét luận án trước khi dự phiên họp Hội đồng đánh giá luận án.

c) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau:

- Vắng mặt chủ tịch Hội đồng;
- Vắng mặt thư ký Hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn những lần sau (nếu có). Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá luận án lần sau (nếu có) ở đơn vị chuyên môn phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của NCS; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường.

đ) Luận án chỉ được thông qua để đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường khi có tối thiểu 3/4 số thành viên Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn có mặt ở lần đánh giá cuối cùng đồng ý (ghi rõ ý kiến đồng ý/không đồng ý về chuyên môn trong phiếu nhận xét luận án).

5. Trong thời gian không quá 90 ngày kể từ khi luận án được thông qua ở đơn vị chuyên môn, NCS phải trình luận án để đơn vị đào tạo thực hiện quy trình phản biện độc lập. Nếu quá thời hạn nêu trên, NCS không hoàn thành việc sửa chữa và bổ sung, luận án sẽ được đánh giá lại ở đơn vị chuyên môn. Trường hợp đặc biệt, NCS phải có đơn đề nghị có xác nhận của người hướng dẫn và được khoa/bộ môn quản lý chuyên môn đồng ý đề nghị Thủ trưởng đơn vị đào tạo gia hạn thời gian sửa chữa và bổ sung luận án.

Điều 19. Phản biện độc lập luận án

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của NCS được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường của đơn vị đào tạo. Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm NCS hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được đơn vị chuyên môn thông qua, đơn vị đào tạo phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho NCS; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của đơn vị đào tạo, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 12 của Quy định này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới NCS và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với NCS; không là cấp trên/cấp dưới trực tiếp với NCS; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp NCS về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án; chưa từng tham gia Hội đồng đánh giá luận án của NCS ở đơn vị chuyên môn.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, đơn vị đào tạo gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, đơn vị đào tạo yêu cầu NCS và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình

gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Nếu các phản biện độc lập lần thứ hai không đồng ý thì NCS phải bảo vệ lại luận án ở đơn vị chuyên môn. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của đơn vị đào tạo. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với NCS, người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn (khoa/bộ môn quản lý chuyên môn). Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu NCS cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của đơn vị đào tạo. Những ý kiến giải trình của NCS được gửi cho đơn vị đào tạo và trình bày tại buổi bảo vệ luận án.

5. Luận án đánh giá lại, sau khi được chỉnh sửa, bổ sung phải được tiếp tục gửi đi lấy kiến lần thứ hai của các phản biện độc lập không tán thành lần đầu.

6. Sau khi luận án nhận được sự đồng ý từ phản biện độc lập, NCS và người hướng dẫn xem xét bổ sung, chỉnh sửa luận án theo ý kiến của các phản biện độc lập, hoàn thiện luận án và có báo cáo giải trình những điểm bổ sung, chỉnh sửa, những điểm bảo lưu ý kiến.

Trong thời gian không quá 90 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ nhận xét của các phản biện độc lập, NCS phải trình luận án đến đơn vị chuyên môn để thực hiện các thủ tục tiếp theo. Nếu quá thời hạn trên, NCS phải có văn bản báo cáo giải trình để Thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét, quyết định.

7. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định chi tiết tiêu chuẩn đối với phản biện độc lập; trình tự, quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập; yêu cầu về trách nhiệm bảo mật đối với cán bộ, viên chức, công chức, người phản biện và đối với thông tin, tài liệu liên quan đến phản biện độc lập theo quy định hiện hành.

Điều 20. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án cấp Trường

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường của đơn vị đào tạo:

a) Đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Điều 17 của Quy định này.

b) Đạt quy trình phản biện độc lập theo Điều 19 của Quy định này.

2. Điều kiện để NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường:

a) Luận án của NCS được đơn vị chuyên môn đề nghị đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

b) Luận án của NCS được các phản biện độc lập quy định tại Điều 19 của Quy định này đồng ý về chuyên môn.

c) NCS không trong thời gian thi hành án hình sự hoặc kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

d) Có tối đa 01 (một) nhận xét của thành viên Hội đồng không đồng ý cho NCS được bảo vệ luận án.

3. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường gồm:

a) Toàn văn luận án.

b) Tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài theo quy định của đơn vị đào tạo.

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả về công trình nghiên cứu khoa học quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Quy định này (nếu có).

đ) Báo cáo giải trình của NCS về các nội dung đã bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến của Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn; báo cáo giải trình của NCS về các nội dung đã bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến của các phản biện độc lập.

e) Các văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, bao gồm: Biên bản chi tiết ghi chép nội dung của phiên họp cuối cùng thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn; quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn; biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá; các bản nhận xét của thành viên Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn.

g) Bản nhận xét của 02 (hai) phản biện độc lập.

h) Những tài liệu khác theo quy định của đơn vị đào tạo.

4. NCS có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều này; phòng chuyên môn của đơn vị đào tạo có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu còn lại.

Điều 21. Đánh giá luận án cấp Trường

1. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, trong đó quy định chi tiết về nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

2. Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 12 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 11 của Quy định này.

3. Số lượng thành viên Hội đồng

a) Hội đồng gồm 07 thành viên; trong đó số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 05 người; số thành viên đã tham gia Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tối đa không quá 03 người; số thành viên là cán bộ cơ hữu của đơn vị đào tạo tối đa không quá 03 người.

b) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định số lượng giáo sư, phó giáo sư, số lượng thành viên là cán bộ, giảng viên của đơn vị đào tạo trong trường hợp tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ của NCS các ngành đang triển khai đào tạo thí điểm tại đơn vị đào tạo.

4. Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 03 ủy viên phản biện và uỷ viên khác, trong đó có phản biện là người của đơn vị đào tạo và có phản biện là người ngoài đơn vị đào tạo; 01 người hướng dẫn NCS có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

a) Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của ĐHTN hoặc đơn vị đào tạo, có năng lực và uy tín chuyên môn, am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận án; có kinh nghiệm trong đào tạo sau đại học và trong chỉ đạo, điều khiển các buổi đánh giá luận án; chịu trách nhiệm về các hồ sơ liên quan đến việc bảo vệ cấp Trường của NCS.

b) Thư ký Hội đồng là người am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận án, nắm chắc các thủ tục bảo vệ luận án, có nhiệm vụ kiểm tra và chịu trách nhiệm về các hồ sơ của NCS, hồ sơ liên quan đến buổi đánh giá luận án, các văn bản nhận xét, tổng hợp các ý kiến nhận xét gửi đến trước buổi đánh giá, ghi biên bản chi tiết của buổi đánh giá và hoàn thành các thủ tục liên quan.

c) Người phản biện phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này. Đồng thời, người phản biện phải là những người am hiểu sâu luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó; không được là đồng tác giả với NCS trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ NCS và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án; không là cấp trên/cấp dưới trực tiếp với NCS. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án; đọc và viết nhận xét luận án, trong đó cần ghi rõ luận án có đáp ứng được yêu cầu của một luận án tiến sĩ hay không.

d) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến đơn vị đào tạo trước 10 ngày họp tổ chức đánh giá luận án của NCS. Đơn vị đào tạo xây dựng mẫu văn bản nhận xét luận án; phiếu đánh giá luận án bám sát các yêu cầu theo quy định.

5. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của NCS không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

6. Trong thời gian tối đa 03 tháng (90 ngày) kể từ khi luận án của NCS đạt quy trình phản biện độc lập và trong thời hạn tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án, đơn vị đào tạo phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cấp Trường cho NCS do đơn vị đào tạo quyết định bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và đơn vị đào tạo ít nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ (trừ trường hợp đánh giá luận án theo chế độ mật).

b) Không tổ chức buổi đánh giá luận án khi vắng mặt quá 01 thành viên Hội đồng, trong đó không bao gồm chủ tịch hội đồng, thư ký hội đồng, người phản biện có ý kiến không tán thành luận án.

c) Trường hợp đơn vị đào tạo tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng NCS; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc ĐHTN.

d) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do đơn vị đào tạo thực hiện; NCS và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

7. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín (đồng ý hoặc không đồng ý), phiếu trắng được coi là phiếu không đồng ý. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Chủ tịch Hội đồng ký xác nhận vào mặt sau của từng phiếu đánh giá.

Thủ tục, trình tự, yêu cầu đối với phiên họp của Hội đồng và đối với việc đánh giá luận án của từng thành viên Hội đồng; cách thức đánh giá; nội dung

đánh giá cụ thể về mức độ đạt được so với các yêu cầu về nội dung, kết quả nghiên cứu và hình thức luận án theo quy định của ĐHTN và đơn vị đào tạo.

Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

Toàn bộ diễn biến của buổi đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại đơn vị đào tạo.

8. Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, chủ tịch và thư ký Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của NCS để đóng vào phần cuối quyển luận án và lưu tại đơn vị đào tạo (thư viện và phòng quản lý chuyên môn), Trung tâm Học liệu và Công nghệ thông tin của ĐHTN và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

9. Đơn vị đào tạo quy định chi tiết việc đánh giá luận án trong đó bao gồm: yêu cầu đối với NCS trước khi đánh giá luận án; quy trình thành lập Hội đồng đánh giá luận án, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng; việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng và quy trình tổ chức đánh giá luận án trực tuyến và trực tiếp của đơn vị đào tạo. Thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

Điều 22. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì đơn vị đào tạo phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận NCS, báo cáo ĐHTN kèm theo minh chứng. ĐHTN báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo hồ sơ bảo vệ luận án theo chế độ mật và luận án bảo vệ theo chế độ mật phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. NCS thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với NCS, riêng các yêu cầu quy định tại điểm c và

điểm d khoản 1 Điều 18 của Quy định này có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được đơn vị đào tạo xác nhận.

3. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định chi tiết việc tổ chức đào tạo, nghiên cứu, đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy định bảo mật của pháp luật.

Điều 23. Đánh giá lại luận án cấp Trường

1. Trong trường hợp luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường của đơn vị đào tạo thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, đơn vị đào tạo quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho NCS được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

3. Đơn vị đào tạo quy định chi tiết thời gian, quy trình, thủ tục đối với việc đánh giá luận án lần thứ hai. Quá thời hạn học tập và nghiên cứu theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy định này, luận án không được đưa ra bảo vệ. Chi phí bảo vệ luận án lần thứ hai do NCS chịu trách nhiệm chi trả. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án của đơn vị đào tạo lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

Chương VI
THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 24. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT, Quy định này và những quy định có liên quan.

b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định

a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận NCS; hồ sơ buổi đánh giá luận án tại đơn vị đào tạo; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ.

b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ; tóm tắt luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của NCS.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của Đại học Thái Nguyên.

b) Đơn vị đào tạo gửi 01 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 03 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về ĐHTN để báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả với ĐHTN và đơn vị đào tạo trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến đánh giá của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của NCS.

5. Trong phạm vi quản lý, kiểm tra và giám sát công tác đào tạo trình độ tiến sĩ, ĐHTN tổ chức thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo và chất lượng luận án. Việc thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án được thực hiện đối với các trường hợp không trùng với Bộ Giáo dục và Đào tạo đã lựa chọn thẩm định.

Điều 25. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do đơn vị đào tạo cung cấp đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu của đơn vị đào tạo được áp dụng cho NCS theo quy định.

b) Chất lượng luận án được tối thiểu 02 trong 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của NCS thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do đơn vị đào tạo cung cấp không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT, Quy định này và quy định của đơn vị đào tạo được áp dụng cho NCS.

b) Chất lượng luận án không được 02 trong 03 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, đơn vị đào tạo có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án; uỷ quyền ĐHTN tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Hội đồng thẩm định có 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng.

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án của đơn vị đào tạo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 21 của Quy định này.

d) Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

đ) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, ĐHTN tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai

Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, đơn vị đào tạo xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu NCS chưa được cấp bằng tiến sĩ, đơn vị đào tạo cho phép NCS bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận NCS và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng.

b) Nếu NCS đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận NCS và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại đơn vị đào tạo; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT và Quy định này; luận án của NCS không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, đơn vị đào tạo có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

Điều 26. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. NCS được công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án của đơn vị đào tạo đồng ý thông qua.

b) NCS đã nộp cho đơn vị đào tạo (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận

của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có).

c) NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam, Trung tâm Học liệu và Công nghệ thông tin của ĐHTN (cả bản in và bản điện tử) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của đơn vị đào tạo.

2. ĐHTN và đơn vị đào tạo đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của NCS trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và đơn vị đào tạo (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi NCS đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, đơn vị đào tạo tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho NCS.

4. Đơn vị đào tạo lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án cấp Trường tại đơn vị đào tạo.

b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án của đơn vị đào tạo.

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án.

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn NCS; bản nhận xét của phản biện và các thành viên Hội đồng; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có).

đ) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường có mặt tại buổi đánh giá luận án của NCS.

e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam, Trung tâm Học liệu và Công nghệ thông tin của ĐHTN và Thư viện của đơn vị đào tạo.

g) Minh chứng công bố công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo và ĐHTN; ngày công bố trang thông tin các điểm mới của luận án, toàn văn luận án, tóm tắt luận án; ngày tổ chức đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 22 Quy định này.

h) Những tài liệu khác theo yêu cầu của đơn vị đào tạo.

5. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ thường trực Hội đồng

Khoa học và Đào tạo của đơn vị đào tạo để thông qua danh sách NCS được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho NCS. Đơn vị đào tạo thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho NCS trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương VII
KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và NCS có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

Điều 28. Thanh tra, kiểm tra

1. Các đơn vị đào tạo chịu sự thanh tra, kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN về công tác đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm hồ sơ tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của đơn vị đào tạo. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN thông báo bằng văn bản cho đơn vị đào tạo.

Điều 29. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong hồ sơ tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN có văn bản yêu cầu đơn vị đào tạo xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 25 của Quy định này.

3. Trong trường hợp NCS bị phát hiện có những vi phạm khác thì tuỳ theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 của Quy định này để xác định luận án có dấu hiệu sao chép, trích dẫn không đúng quy định, vi phạm các quy định về liêm chính học thuật.

Điều 30. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của NCS; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của NCS đã nộp thư viện Quốc gia Việt Nam.

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp bằng của NCS theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, đơn vị đào tạo báo cáo ĐHTN, Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách NCS đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án của đơn vị đào tạo trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục V); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (theo mẫu tại Phụ lục VI) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Đơn vị đào tạo phải công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy định của đơn vị đào tạo và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ.

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Quy định chuyển tiếp

1. Quy định này áp dụng cho các khóa tuyển sinh trình độ tiến sĩ sau ngày 15 tháng 8 năm 2021.

2. Việc tổ chức đào tạo đối với các khóa đã tuyển sinh trước ngày 15 tháng 8 năm 2021 tiếp tục thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1796/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Giám đốc ĐHTN về việc ban hành quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHTN.

3. Việc tổ chức đào tạo đối với các khóa tuyển sinh trước ngày 18 tháng 5 năm 2017 tiếp tục thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHTN ban hành kèm theo Quyết định số 350/QĐ-ĐHTN ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Giám đốc ĐHTN.

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Đơn vị đào tạo xây dựng văn bản hướng dẫn chi tiết công tác quản lý và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị mình, cụ thể hóa với yêu cầu ngang bằng hoặc cao hơn nhưng không trái với Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT và Quy định này.

2. Đơn vị đào tạo thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về ĐHTN (qua Ban Đào tạo) để báo cáo Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày / /2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN **TRƯỜNG ĐẠI HỌC.....**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN
Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Thông tin chung về đơn vị đào tạo

1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo...

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của đơn vị đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô sinh viên, các kết quả nghiên cứu...)

1.3. Những thông tin cần thiết khác...

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh

2.2. Phương thức tuyển sinh

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của đơn vị đào tạo: Các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đang triển khai, các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu...

2.5. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian và số lần tuyển sinh/năm

2.6. Chính sách ưu tiên: Ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định

2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

2.8. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)...

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn NCS theo các ngành hoặc chuyên ngành

3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

3.4. Kiểm định chất lượng

3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác...

4. Những thông tin cần thiết khác

Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày / /2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Đợt tuyển sinh tháng..... năm .....

1. Họ và tên thí sinh:.....**2. Giới tính**: Nam ☐ Nữ ☐

3. Sinh ngày..... **tháng**.....**năm** ..... **4. Nơi sinh**.....

5. Nơi ở hiện nay.....

6. Đối tượng dự tuyển: Công chức, viên chức được cử đi học ☐ Đối tượng khác ☐

7. Đơn vị công tác: .....

8. Nghề nghiệp, chức vụ hiện tại:.....

9. Thâm niên công tác chuyên môn từ khi tốt nghiệp đại học:.....

10. Thuộc diện cán bộ: Biên chế: ☐ Hợp đồng: ☐

11. Văn bằng đại học: Trường tốt nghiệp (TN).....

Hệ đào tạo: .....Ngành đào tạo.....Năm TN.....Loại TN.....

12. Văn bằng đại học khác (nếu có):.....

13. Văn bằng thạc sĩ: Trường tốt nghiệp (TN).....

Chuyên ngành đào tạo.....Năm TN.....Loại TN.....

14. Văn bằng thạc sĩ khác (nếu có): Trường tốt nghiệp (TN).....

Chuyên ngành đào tạo.....Năm TN.....Loại TN.....

15. Đăng ký học bổ túc kiến thức (nếu có).....

16. Chuyên ngành đăng ký dự tuyển:.....

17. Minh chứng năng lực ngoại ngữ:.....

18. Công trình nghiên cứu khoa học.....

.....

19. Địa chỉ liên hệ với thí sinh.....

Số điện thoại nhà riêng của thí sinh:.....DĐ.....

Tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng tuyển sinh, chấp hành đúng quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu trúng tuyển tôi sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người học theo quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quy định của Đại học Thái Nguyên.

Ngày tháng năm.....

Xác nhận của Thủ trưởng Cơ quan, đơn vị hoặc Chủ tịch UBND Xã, Phường	**Người đăng ký dự tuyển**

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày / /2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN **TRƯỜNG ĐẠI HỌC.....**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Đơn vị đào tạo:
Họ và tên NCS:
Tên đề tài:
Ngành đào tạo:
Mã ngành đào tạo:

Năm học	**Nội dung học tập, nghiên cứu**	**Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký**	**Kết quả dự kiến**
Năm thứ 1	*Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)*	*10 - 12 tín chỉ*	*Chứng nhận kết thúc học phần*
	Các học phần về phương pháp nghiên cứu	*04 - 06 tín chỉ*	*Chứng nhận kết thúc học phần*
Năm thứ 2	*Thực hiện phần 1 của Luận án*	*Đến 24 tín chỉ*	*Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu,...*
Năm thứ 3	*Thực hiện phần 2 của Luận án*	*Đến 30 tín chỉ*	*Luận án và các bài công bố,...*
Năm thứ 4	*Thực hiện phần 3 của Luận án*	*Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm*	*Luận án và các bài công bố,...*

Lưu ý: *Phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của NCS được xây dựng căn cứ vào quy định của đơn vị đào tạo về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.*

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày / /2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Lưu ý: *Đối với những chứng chỉ khác ngoài danh mục nói trên, đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm xác định trình độ tương ứng căn cứ vào xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và của tổ chức cấp chứng chỉ.*

Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày / /2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

MẪU BÁO CÁO

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH BẢO VỆ LUẬN ÁN CÁC THÁNG TRONG NĂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày / /2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày tháng năm……

Kính gửi: Đại học Thái Nguyên

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(Tháng …. năm ….)

Stt	Họ và tên NCS	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ luận án, quyết định Hội đồng đánh giá cấp Trường	Kết quả đánh giá	Ngày bảo vệ luận án, quyết định Hội đồng đánh giá cấp Cơ sở

Lãnh đạo đơn vị đào tạo
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày / /2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

MẪU BÁO CÁO

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN **TRƯỜNG ĐẠI HỌC……..**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

……, ngày tháng năm……

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đại học Thái Nguyên.

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH NĂM ……

I. Danh sách nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu trong năm …

STT[1]	Họ và tên NCS	Ngày sinh	Giới tính	Mã số CCCD/ Hộ chiếu	Quốc tịch	Khoá đào tạo[2]	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên người hướng dẫn 1	Tên người hướng dẫn 2	Đơn vị công tác của người hướng dẫn 2	Tên đề tài luận án	Tên đề tài luận án sau khi điều chỉnh (nếu có)	Số, ngày quyết định công nhận học vị tiến sĩ
1													
2													

[1] Thứ tự NCS được sắp xếp theo nhóm các khoá tuyển sinh.

[2] Ghi thời gian theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá (Ví dụ: 2021-2024).

II. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCS

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Chức danh khoa học (GS/PGS)	Trình độ	Mã số CCCD/ Hộ chiếu	Số lượng NCS đang hướng dẫn	Số lượng bài báo, báo cáo khoa học trong vòng 5 năm[3]	Thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ	Danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú hoặc Nghệ sĩ Nhân dân
1											
2											

III. Danh sách các đề tài nghiên cứu khoa học của đơn vị đào tạo gắn với hoạt động đào tạo NCS

STT	Tên đề tài	Cấp phê duyệt	Thời gian thực hiện	Tên NCS tham gia

IV. Tồn tại, hạn chế (nếu có)

V. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục

VI. Kiến nghị của đơn vị đào tạo

Lãnh đạo đơn vị đào tạo
(Ký tên và đóng dấu)

[3] Thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 1,0 trở lên.